



N#ng

CONSTRUBOY EW S3 LOW

COBOYEWS3L

durable leather construction low-cut with extrawide steel toecap for heavy applications

Những vật liệu cao cấp hơn	Da nguyên miếng, Da tổng hợp
lớp lót bên trong	Lưới thép
giường đế chân	để xếp SJ
để giữa	Thép
để ngoài	BASF PU/BASF PU
Đứng đầu	Thép
Loại	S3 / SR, SC, LG, CI, FO
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
trọng lượng thép	0.670 kg
tiêu chuẩn hóa	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024



BLK



Da thoáng khí trên
Da tự nhiên mang lại cảm giác thoải mái khi đeo kết hợp với độ bền trong các ứng dụng linh hoạt.

Cách đi#n l#nh (CI)
Giày bảo hộ cách nhiệt (CI) giữ ấm cho đôi chân của bạn. Chúng được mặc trong môi trường lạnh.

Tay n#m b#c thang (LG)
Đường viền được xác định đặc biệt trong khu vực trực của giày an toàn để tăng thêm độ an toàn khi đứng trên thang.

Ch#ng d#u & nhiên li#u
Đế ngoài có khả năng chống dầu và nhiên liệu.

N#p Scuff (SC)
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng biệt để giảm hao mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng khả năng sử dụng của giày an toàn.

Đ# ngoài t# làm s#ch
Đế ngoài tự làm sạch được thiết kế để hạn chế tắc nghẽn gai lốp.

Công nghiệp n:

Hoá học, Xây dựng, Thực phẩm & Đồ uống, Ngành công nghiệp, hậu cần, Khai thác mỏ

Môi trường:

Bề mặt cực mịn, môi trường bùn, bề mặt không bằng phẳng, môi trường ẩm ướt, môi trường khô

Các hướng dẫn bảo trì:

Để kéo dài tuổi thọ cho đôi giày của bạn, chúng tôi khuyên bạn nên làm sạch chúng thường xuyên và bảo vệ chúng bằng các sản phẩm phù hợp. Không làm khô giày trên bộ tản nhiệt hoặc gần nguồn nhiệt.

S# miêu tả	Đơn vị đo lường	Kết quả	EN ISO 20345
Nhúng vệt liêu cao	Da nguyên miếng, Da tổng hợp		
Chỉ số thấm nước			
Top: khả năng thấm hơi nước	mg/cm/giờ		? 0.8
Top: hệ số hơi nước	mg/cm ²		? 15
Chỉ số bên trong	Chỉ số thép		
Lớp lót: thấm hơi nước	mg/cm/giờ		? 2
Lót: hệ số hơi nước	mg/cm ²		? 20
Chỉ số chống trượt	Chỉ số SJ		
Đệm chân: chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	chu kỳ		25600/12800
Chỉ số ngoài	BASF PU/BASF PU		
Chống mài mòn để ngoài (giảm thể tích)	mm		? 150
Chống trượt cơ bản - Ceramic + NaLS - Trượt gót về phía trước	ma sát		? 0.31
Chống trơn trượt cơ bản - Gôm + NaLS - Trượt lùi về phía trước	ma sát		? 0.36
Chống trơn trượt SR - Gôm + Glycerin - Trượt gót phía trước	ma sát		? 0.19
Chống trượt SR - Gôm + Glycerin - Trượt ngược về phía trước	ma sát		? 0.22
Giá trị chống tĩnh điện	megaohm		0.1 - 1000
Giá trị ESD	megaohm		0.1 - 100
Hấp thụ năng lượng của gót chân	J		? 20
Chỉ số thép			
Nắp mũi chống va đập (độ hồ sau khi va chạm 100J)	mm		N/A
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN)	mm		N/A
Nắp mũi chống va đập (độ hồ sau khi va chạm 200J)	mm		? 14
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 15kN)	mm		? 14

Kích thước thép: 42

Giày của chúng tôi không ngừng phát triển, dữ liệu kỹ thuật trên có thể thay đổi. Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sử dụng hoặc sao chép dưới bất kỳ định dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.